

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Duy Văn;

Bà Huỳnh Thị Thuý Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lâm Thị Trúc P, sinh năm 1984; cư trú tại: Số E, đường N, Khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1984; cư trú tại: Số E, đường N, Khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Nguyễn Thành C chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 081/04, ngày 12 tháng 5 năm 2004.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt. Anh C thường xuyên đi nhậu và không về nhà; chị P đã nhiều lần nhắc nhở, cố gắng chịu đựng để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Chị P nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị P và anh C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/10/2004 và cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 29/4/2008. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bình A; đối với cháu Nguyễn Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh C được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Nguyễn Thành C vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn anh Nguyễn Thành C chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 03 tháng 12 năm 2024, chị Lâm Thị Trúc P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành C; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bình A; đối với cháu Nguyễn Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn anh Nguyễn Thành C đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh và bị đơn anh Nguyễn Thành C vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị P và anh C chung sống từ năm 2004, ngày 12 tháng 5 năm 2004 anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 081/04. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa chị P và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; do đó hôn nhân giữa chị P và anh C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, chị P xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; anh C thường xuyên đi nhậu và không về nhà, chị P đã nhiều lần nhắc nhở, cố gắng chịu đựng để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả; hiện nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của chị P, nhận thấy, chị P và anh C không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh C nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh C vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ anh C không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa chị P và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật

Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh C.

[2.2] *Về con chung*: Chị P và anh C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/10/2004 và cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 29/4/2008; sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bình A, đối với cháu Nguyễn Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chị P có đủ khả năng nuôi dạy con chung; còn anh C, không đến Tòa án làm việc nên không biết được nguyện vọng và khả năng của anh C về phần con chung là như thế nào. Tuy nhiên, tại Bản tự khai, cháu A có nguyện vọng được ở với chị P. Do đó, để cháu A có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần giao cháu A cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đối với cháu Nguyễn Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, yêu cầu của chị P về phần con chung được chấp nhận.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4]. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị Trúc P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn là anh Nguyễn Thành C.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lâm Thị Trúc P được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

1.2. *Về con chung*: Chị Lâm Thị Trúc P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 29/4/2008; riêng đối với cháu Nguyễn Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị Trúc P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lâm Thị Trúc P đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008749 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng